

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TCN22B  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | MSHS          | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Ngôi và sản khoa(3) | Chăn nuôi trâu bò - Dê thỏ(3) | Vì sinh và Bệnh truyền nhiễm(3) | Chăn nuôi heo(2) | Bệnh chó mèo(2) | Bệnh ký sinh gia súc(3) | Điểm TB | Xếp loại   |
|-----|---------------|-----------------|-------|------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------|-----------------|-------------------------|---------|------------|
| 1   | 2256201201478 | Châu Chí        | Bình  | 05/10/2007 | 6.9                 | 8.0                           | 6.9                             | 7.5              | 7.7             | 7.8                     | 7.5     | Khá        |
| 2   | 2256201201480 | Nguyễn Tấn      | Đạt   | 18/07/1996 | 8.3                 | 8.5                           | 9.1                             | 8.7              | 9.1             | 6.8                     | 8.4     | Giỏi       |
| 3   | 2256201201481 | Trần Thành      | Đạt   | 05/07/2005 | 6.6                 | 8.2                           | 7.8                             | 7.8              | 7.7             | 6.2                     | 7.3     | Khá        |
| 4   | 2256201201483 | Lương Anh       | Kiệt  | 09/09/2007 | 7.0                 | 7.9                           | 6.9                             | 6.9              | 8.1             | 6.2                     | 7.1     | Khá        |
| 5   | 2256201201484 | Trần Trịnh Quốc | Kỳ    | 02/07/2007 | 6.7                 | 8.8                           | 6.2                             | 7.3              | 7.6             | 6.6                     | 7.2     | Khá        |
| 6   | 2256201201485 | Nguyễn Thành    | Lợi   | 05/07/2001 | 8.5                 | 9.4                           | 8.9                             | 9.3              | 8.1             | 9.0                     | 8.9     | Giỏi       |
| 7   | 2256201201486 | Trần Yến        | Nhi   | 20/09/2004 | 8.3                 | 9.3                           | 8.6                             | 9.0              | 8.5             | 7.9                     | 8.6     | Giỏi       |
| 8   | 2256201201490 | Lê Anh          | Thư   | 31/01/2007 | 6.0                 | 7.8                           | 6.2                             | 6.3              | 7.8             | 7.4                     | 6.9     | Trung bình |
| 9   | 2256201201492 | Trần Minh       | Trí   | 12/04/2007 | 6.2                 | 7.6                           | 5.8                             | 6.0              | 7.0             | 6.0                     | 6.4     | Trung bình |
| 10  | 2256201201494 | Lê Thị          | Đông  | 20/08/1992 | 8.2                 | 9.3                           | 6.1                             | 7.9              | 8.4             | 7.6                     | 7.9     | Khá        |
| 11  | 2256201201495 | Võ Hải          | Khoa  | 09/09/2007 | 5.4                 | 7.4                           | 6.4                             | 5.8              | 5.5             | 5.7                     | 6.1     | Trung bình |
| 12  | 2256201201496 | Cao Chánh       | Thông | 21/08/2007 | 5.7                 | 7.1                           | 5.9                             | 6.1              | 5.7             | 6.2                     | 6.1     | Trung bình |
| 13  | 2256201201497 | Nguyễn Chấn     | Hưng  | 04/09/1998 | M                   | M                             | M                               | M                | 6.6             | M                       | 6.6     | Trung bình |
| 14  | 2256201201498 | Nguyễn Văn      | Sang  | 22/05/2007 | 6.9                 | 8.1                           | 7.9                             | 8.2              | 6.7             | 6.9                     | 7.5     | Khá        |

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TP. Đào tạo**

Châu Đốc, ngày 15 tháng 03 năm 2024  
**Người lập bảng**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Trần Quốc Thái**